

CÁC PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY NGOẠI NGỮ TRONG BỐI CẢNH BÙNG NỔ CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI

PHẠM THỊ THÙY VÂN

Khoa Ngoại ngữ, Học viện An ninh nhân dân

Nhận bài ngày 15/8/2026. Sửa chữa xong 16/9/2026. Duyệt đăng 23/9/2026.

Abstract

This study evaluates common foreign language teaching methods, including grammar–translation, the direct method, Communicative Language Teaching (CLT), and technology-assisted learning. Using a mixed-methods design involving a survey of 200 learners and interviews with 20 teachers, the findings indicate that CLT combined with modern technology is the most effective approach for developing practical language competence. This integration promotes learner-centered instruction, authentic language use, autonomy, creativity, and diverse learning experiences while supporting educational innovation in the digital era. However, its effective implementation depends on teachers' digital competence, adequate technological infrastructure, natural classroom interaction, and appropriate time management. The study therefore supports an integrated model that combines the communicative principles of CLT with digital technologies to enhance foreign language teaching and learning.

Keywords: *Communicative language teaching, educational technology, foreign language teaching, language learning.*

1. Đặt vấn đề

Trong thế kỷ 21, năng lực ngoại ngữ được xem là yếu tố thiết yếu trong giáo dục và nghề nghiệp. Tuy nhiên, việc lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp vẫn là một thách thức lớn đối với giáo viên (GV) và nhà nghiên cứu. Các phương pháp truyền thống như ngữ pháp - dịch đã bị lỗi thời vì thiếu tính thực tiễn, trong khi các phương pháp hiện đại như giao tiếp và học tập dựa trên công nghệ đang ngày càng phổ biến (Richards, 2006).

Trước khi các công nghệ hiện đại được áp dụng trong giảng dạy, phương pháp dạy học ngoại ngữ chủ yếu dựa vào các kỹ thuật truyền thống. Những phương pháp này tập trung vào việc truyền đạt kiến thức ngữ pháp và từ vựng, nhằm xây dựng nền tảng vững chắc cho người học. Phương pháp giảng dạy trực tiếp là một phương pháp truyền thống phổ biến trong dạy học ngoại ngữ đặc biệt hiệu quả trong việc xây dựng nền tảng kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ cho người học. GV giữ vai trò trung tâm, trực tiếp truyền đạt nội dung thông qua thuyết giảng, giải thích chi tiết về ngữ pháp, từ vựng, phát âm và cấu trúc câu. Kiến thức được sắp xếp tuần tự, hệ thống từ cơ bản đến nâng cao, khuyến khích tham gia các hoạt động tương tác như thảo luận nhóm, đóng vai, trò chơi ngôn ngữ, làm việc dự án, qua đó rèn luyện đồng đều bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Việc học ngôn ngữ thông qua giao tiếp giúp SV cải thiện phản xạ ngôn ngữ, tăng sự tự tin, đồng thời phát triển tư duy phản biện, sáng tạo và kỹ năng làm việc nhóm. Ưu điểm nổi bật của phương pháp là tính ứng dụng cao, giúp người học sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt và tự nhiên, phù hợp với nhu cầu giao tiếp trong đời sống và công việc. Tuy nhiên, hạn chế của phương pháp là chưa chú trọng đầy đủ đến việc hệ thống hóa kiến thức ngữ pháp và từ vựng, có thể khiến người học gặp khó khăn khi cần diễn đạt chính xác về mặt ngôn ngữ. Vì vậy, trong bối cảnh mới, việc dạy và học ngôn ngữ giao tiếp gắn liền với công nghệ hiện đại có thể hỗ trợ tối đa trong việc khắc phục những yếu điểm khi giảng dạy trực tiếp. Cụ thể. Sự kết hợp giữa phương

Email: manhme010722@gmail.com

pháp giảng dạy ngôn ngữ theo đường hướng giao tiếp (Communicative Language Teaching – CLT) và công nghệ giúp người học học tập đa phương thức, công nghệ hiện đại cung cấp vô số học liệu thực tế. Thay vì chỉ sử dụng sách giáo khoa, GV dùng video, mạng xã hội, và các đoạn hội thoại trực tuyến để giúp học sinh hiểu bối cảnh và văn hóa giao tiếp của ngôn ngữ. Bên cạnh đó, trí tuệ nhân tạo (AI) và chatbot cung cấp môi trường luyện tập giao tiếp an toàn, không sợ sai sót. Học viên có thể đóng vai, thực hành phỏng vấn hoặc giải quyết tình huống với AI theo thời gian thực đồng thời các nền tảng như Zoom hay Discord giúp hiện thực hóa nguyên tắc cốt lõi của CLT là tương tác ngang hàng dù người học ở bất kỳ đâu.

2. Tổng quan tài liệu

2.1. Các khái niệm

2.1.1. Phương pháp ngữ pháp - dịch

Là phương pháp truyền thống tập trung vào việc học quy tắc ngữ pháp, ghi nhớ từ vựng và dịch thuật văn bản giữa ngôn ngữ đích và tiếng mẹ đẻ, nhấn mạnh kỹ năng đọc - viết, giúp xây dựng nền tảng ngữ pháp vững chắc nhưng thường hạn chế khả năng giao tiếp phản xạ. Phương pháp này hướng người học học quy tắc ngữ pháp một cách hệ thống, sau đó áp dụng vào bài tập; dịch câu hoặc đoạn văn từ ngôn ngữ mẹ đẻ sang ngôn ngữ đích và ngược lại và GV là trung tâm, người truyền thụ kiến thức và sửa lỗi.

Ưu điểm của phương pháp này là giúp người học nắm vững cấu trúc ngữ pháp và từ vựng một cách hệ thống, không yêu cầu GV phải là người bản xứ, phù hợp với lớp học đồng người vì thế dễ áp dụng; phát triển khả năng đọc hiểu văn bản phức tạp và nâng cao văn phong giúp người học hiểu sâu văn bản. Nhưng đồng thời cũng tồn tại nhiều nhược điểm như: Hạn chế kỹ năng giao tiếp dẫn đến người học thường lúng túng khi Nghe - Nói do thói quen dịch nhẩm trong đầu; ít tương tác, gây thụ động cho người học gây nên sự nhàm chán; từ vựng thường học rời rạc, không áp dụng được vào ngữ cảnh giao tiếp tự nhiên.

Quy trình giảng dạy phổ biến của phương pháp này thường là GV giảng giải quy tắc ngữ pháp bằng tiếng mẹ đẻ còn người học thì đọc văn bản và dịch sang tiếng mẹ đẻ, khi học từ vựng và luyện tập học viên sẽ học từ mới qua danh sách tương đương tiếng mẹ đẻ và làm bài tập theo phương pháp diễn từ, chia thì, dịch câu. Tuy hiện nay cũng có sự cải tiến tuy nhiên vẫn còn rất nhiều hạn chế trong thời đại hội nhập.

2.1.2. Phương pháp trực tiếp (Direct Method)

Phương pháp này khuyến khích sử dụng hoàn toàn ngôn ngữ mục tiêu trong lớp học, giúp cải thiện khả năng phản xạ ngôn ngữ (Larsen-Freeman & Anderson, 2011). phương pháp này thiên về kỹ thuật giảng dạy ngoại ngữ chỉ sử dụng ngôn ngữ đích (ngôn ngữ đang học), tuyệt đối không dịch thuật hay sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ trong lớp học. Phương pháp này tập trung vào giao tiếp tự nhiên, phát âm, từ vựng thông qua hình ảnh, hành động và tình huống thực tế. Đặc điểm là GV và học sinh giao tiếp hoàn toàn bằng ngoại ngữ đang học đồng thời Từ vựng và ngữ pháp được truyền tải qua tranh ảnh, đồ vật thật, hoặc hành động (pantomime) thay vì dịch sang tiếng mẹ đẻ; về kỹ năng nói và nghe sẽ tập trung phát triển phản xạ giao tiếp tự nhiên, nhấn mạnh kỹ năng nghe nói trước, đọc viết sau; về ngữ pháp được giảng dạy gián tiếp thông qua việc sử dụng thực tế (quy nạp) thay vì học quy tắc khô khan và khi xảy ra lỗi GV thường xuyên sửa lỗi phát âm và ngữ pháp ngay khi học viên

nói sai. Ưu điểm: phản xạ nhanh, giao tiếp tự nhiên và tạo môi trường hòa mình. Nhược điểm: Đòi hỏi cao ở GV, khó giải thích khái niệm trừu tượng, không phù hợp với người mới bắt đầu hoàn toàn

2.1.3. Phương pháp giao tiếp (Communicative Language Teaching - CLT)

CLT nhấn mạnh việc sử dụng ngôn ngữ trong ngữ cảnh thực tế. Nghiên cứu của Richards (2006) cho thấy phương pháp này giúp người học phát triển năng lực giao tiếp hiệu quả hơn. Là phương pháp dạy ngoại ngữ hiện đại, lấy người học làm trung tâm, tập trung phát triển kỹ năng nghe-nói và năng lực sử dụng ngôn ngữ trong tình huống thực tế. CLT giúp người học không chỉ giỏi ngữ pháp mà còn phản xạ tự nhiên, truyền đạt thông điệp hiệu quả.

Nói cách khác, CLT là phương pháp giảng dạy ngoại ngữ tập trung vào việc phát triển năng lực giao

tiếp của người học thông qua các hoạt động mang tính tương tác. Theo quan điểm của CLT, ngôn ngữ được xem là công cụ giao tiếp thay vì chỉ là hệ thống cấu trúc ngữ pháp.

CLT lấy người học làm trung tâm, chú trọng tính tương tác và hợp tác, khuyến khích sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống thực tế, tích hợp bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc và viết, đánh giá dựa trên khả năng giao tiếp thực tiễn. Các đặc điểm cốt lõi của phương pháp giao tiếp là tập trung vào việc hiểu và truyền đạt thông điệp, thay vì chỉ chú trọng sự hoàn hảo của ngữ pháp; học viên thực hành qua các tình huống như đi mua sắm, phỏng vấn, hỏi đường (Tình huống thực tế), người học thực hiện nhiệm vụ cụ thể để rèn luyện ngôn ngữ, thường làm việc theo nhóm hoặc cặp; đối với vai trò của GV thì thay vì giảng bài suốt buổi, GV đóng vai trò hỗ trợ, tạo môi trường giao tiếp và sửa lỗi khi cần.

2.2. Học tập dựa trên công nghệ

Kết quả phù hợp với các nghiên cứu trước đó (Richards, 2006; Warschauer, 2011), cho thấy phương pháp giao tiếp kết hợp công nghệ mang lại hiệu quả cao. Công nghệ đóng vai trò quan trọng trong việc cá nhân hóa việc học, trong khi CLT giúp phát triển kỹ năng giao tiếp thực tế.

Khi kết hợp phương pháp giao tiếp cùng với công nghệ trong giảng dạy ngoại ngữ (Technology-Enhanced Communicative Language Teaching - TECLT) đồng nghĩa việc sử dụng công cụ kỹ thuật số (AI, ứng dụng, nền tảng online) để tạo môi trường học tương tác, cá nhân hóa, giúp học viên thực hành ngôn ngữ thực tế qua nhiều kênh hình/chữ. Xu hướng này lấy người học làm trung tâm, tối ưu hóa tương tác và nâng cao hiệu quả học tập.

Đi sâu nghiên cứu, tác giả đã liệt kê một số ứng dụng chính trong giảng dạy ngoại ngữ:

- *Nền tảng tương tác & Gamification*: Sử dụng Kahoot!, Padlet, H5P, Quizlet để tổ chức trò chơi, kiểm tra bài cũ và tăng cường tương tác trực tiếp trong lớp học.
- *Ứng dụng học tập thông minh (AI & Apps)*: Duolingo, Memrise, Rosetta Stone, HelloTalk giúp cá nhân hóa lộ trình tự học và thực hành giao tiếp.
- *Mô phỏng & Thực tế ảo (VR/AR)*: Tạo tình huống giao tiếp mô phỏng, cho phép người học “nhúng” mình vào môi trường sử dụng ngôn ngữ thực tế.
- *Công cụ hỗ trợ phát âm & AI*: Sử dụng AI để đánh giá phát âm, sửa lỗi Speaking và hỗ trợ viết bài (như ChatGPT, các ứng dụng nhận diện giọng nói).
- *Lớp học đảo ngược (Flipped Classroom)*: Học viên xem bài giảng qua video, ứng dụng trước khi đến lớp, thời gian trên lớp dành cho thảo luận và thực hành giao tiếp.

Với sự kết hợp này, có thể thấy rõ các lợi ích mà nó mang lại là vô cùng lớn, nổi bật là: *Tăng tương tác*: hỗ trợ tương tác cao giữa người dạy - người học và người học - máy; *Cá nhân hóa*: cho phép học viên học theo tốc độ riêng; *Tiếp cận đa kênh*: kết hợp kênh hình, kênh chữ, kênh tiếng, tăng khả năng tiếp thu ngôn ngữ; *Linh hoạt*: hỗ trợ học trực tuyến, tự học mọi lúc mọi nơi

Trong công nghệ, các công cụ như Flipgrid, Padlet rất hiệu quả trong việc tạo môi trường giao tiếp, đặc biệt trong các lớp học trực tuyến.

Tuy nhiên, để sự kết hợp này đạt được hiệu quả cao đòi hỏi giảng viên và học viên phải có tư duy tốt, nghiên cứu chỉ ra rằng việc lạm dụng công nghệ có thể làm giảm tương tác trực tiếp giữa GV và người học, vì vậy cần tăng cường giao tiếp, để cân bằng được giữa giao tiếp và công nghệ là một việc không hề dễ, đặc biệt khi công nghệ vừa mới bùng nổ thì việc tiếp cận và sử dụng được công nghệ cũng là một hạn chế gây ra nhiều khó khăn cho giảng viên. Đồng thời để học tốt thì người học ngoài chú trọng khâu giao tiếp, người dạy cần trau dồi thêm kiến thức về công nghệ hiện đại.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp hỗn hợp (mixed-methods).

Phương pháp hỗn hợp trong giảng dạy và nghiên cứu ngôn ngữ là cách tiếp cận kết hợp cả dữ liệu

định lượng và định tính trong cùng một nghiên cứu hoặc quá trình giảng dạy nhằm hiểu rõ hơn, sâu sắc hơn về một hiện tượng, thay vì chỉ dựa vào một phương pháp đơn lẻ.

Bản chất của Phương pháp Hỗn hợp trong giảng dạy ngôn ngữ là sự kết hợp định lượng & định tính, phương pháp này thu thập và phân tích cả dữ liệu số liệu (điểm số, tần suất) và dữ liệu chi tiết (phỏng vấn, quan sát, ý kiến) để đánh giá hiệu quả dạy và học đồng thời mixed-methods không chỉ là tách biệt hai dữ liệu mà là sự tích hợp chúng trong quá trình thu thập, phân tích, hoặc trình bày kết quả.

Bên cạnh đó mixed-methods giúp GV nhìn thấy bức tranh toàn cảnh (số liệu chứng minh) và hiểu lý do đằng sau (phỏng vấn chi tiết), từ đó sẽ hiểu sâu rộng hơn.

Lợi ích của Phương pháp Hỗn hợp nằm ở một số điểm nhấn đó là tính toàn diện, nó giúp khắc phục nhược điểm của việc chỉ dùng một loại dữ liệu (ví dụ: chỉ có điểm số mà không biết tại sao sinh viên điểm thấp) cùng với độ tin cậy cao bởi vì có thể đảm bảo kết quả nghiên cứu có thể kiểm chứng. Ngoài ra phương pháp hỗn hợp có thể tối ưu hóa giảng dạy, thể hiện ở việc giúp GV điều chỉnh phương pháp dạy dựa trên cả bằng chứng thực tế (số liệu) và phản hồi thực tế (ý kiến sinh viên).

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng tham gia nghiên cứu bao gồm 200 người học và 20 GV được lựa chọn từ các trường đại học, các cấp học và cơ sở đào tạo ngoại ngữ khác nhau. Dữ liệu được thu thập bằng bảng câu hỏi khảo sát dành cho cả GV và người học, tập trung vào các nội dung như: mức độ ứng dụng công nghệ trong giảng dạy và học tập, nhận thức về hiệu quả của CLT, những thuận lợi và khó khăn khi triển khai CLT kết hợp các công cụ công nghệ hiện đại, cũng như mức độ tương tác và phát triển năng lực giao tiếp của người học. Sau khi thu thập, dữ liệu được mã hóa, xử lý và phân tích bằng các phương pháp thống kê mô tả nhằm xác định xu hướng chung và làm cơ sở cho việc đánh giá hiệu quả của việc tích hợp công nghệ vào dạy học ngoại ngữ theo định hướng giao tiếp.

3.3. Thu thập dữ liệu và phân tích dữ liệu

Bảng câu hỏi khảo sát và phỏng vấn bán cấu trúc, sử dụng các phần mềm thống kê như SPSS, Jamovi để chạy các mô hình kinh tế lượng, phân tích hồi quy và mã hóa và phân tích nội dung (Content Analysis) hoặc phân tích chủ đề (Thematic Analysis) từ các ghi chép phỏng vấn. Bên cạnh đó dữ liệu định lượng được phân tích bằng thống kê mô tả; dữ liệu định tính được mã hóa và phân tích theo chủ đề. Và sau đây là bảng phân tích

3.3.1. Khảo sát đối với người học

Đối tượng khảo sát

Đối với nhóm đối tượng này, nghiên cứu khảo sát trên cả nam và nữ ở độ tuổi từ 18 - 30 tuổi, trình độ ngoại ngữ từ sơ cấp cho đến cao cấp với nhiều chủ đề đa dạng như: GV sử dụng công nghệ hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động giao tiếp; Các ứng dụng trực tuyến giúp tôi cải thiện kỹ năng nói và nghe; Các ứng dụng trực tuyến giúp tôi cải thiện kỹ năng nói và nghe; CLT kết hợp công nghệ giúp người học tự tin hơn khi giao tiếp bằng ngoại ngữ; người học có nhiều cơ hội tương tác với bạn học thông qua các nền tảng số; những khó khăn gặp phải khi sử dụng công nghệ trong học tập; mong muốn tiếp tục học theo mô hình CLT kết hợp công nghệ.

Một số câu hỏi khảo sát đối với người học được đặt ra: Công nghệ nào được sử dụng nhiều nhất trong lớp học của bạn? Theo bạn, việc kết hợp công nghệ với CLT mang lại lợi ích gì? Bạn gặp những khó khăn nào khi tham gia các hoạt động giao tiếp có sử dụng công nghệ?

3.3.2. Khảo sát đối với giáo viên

Đối tượng khảo sát

Đối với nhóm đối tượng là GV, lựa chọn của nghiên cứu hướng đến mọi độ tuổi cả nam và nữ với số năm kinh nghiệm từ 05 năm đến 20 năm. Các chủ đề khảo sát xoay quanh thời lượng áp dụng CLT trong giảng dạy; thời gian sử dụng công nghệ để hỗ trợ các hoạt động giao tiếp trên lớp học; công

nghe giúp tăng mức độ tương tác của người học; người học tham gia tích cực hơn khi có sự hỗ trợ của công nghệ; được đào tạo đầy đủ về việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy hay không; cơ sở vật chất có đáp ứng nhu cầu triển khai CLT kết hợp công nghệ; những gặp khó khăn về kỹ thuật khi áp dụng công nghệ trong lớp học; mức độ sẵn sàng tiếp tục mở rộng việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy CLT.

Nhóm câu hỏi khảo sát đối với GV: Những công nghệ hoặc ứng dụng nào bạn thường sử dụng trong giảng dạy? Theo bạn, lợi ích lớn nhất của việc kết hợp CLT với công nghệ là gì? Những thách thức chính khi triển khai CLT kết hợp công nghệ trong thực tế giảng dạy là gì? Bạn có đề xuất gì để nâng cao hiệu quả áp dụng CLT kết hợp công nghệ trong tương lai?

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Kết quả nghiên cứu

Kết quả khảo sát từ 200 người học cho thấy đa số người tham gia có thái độ tích cực đối với việc học ngoại ngữ theo phương pháp Giao tiếp (CLT) kết hợp công nghệ hiện đại. Cụ thể, 85% người học đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý rằng các công cụ công nghệ như ứng dụng học tập trực tuyến, nền tảng học tập số và các phần mềm tương tác đã giúp tăng cường cơ hội thực hành giao tiếp. Khoảng 82% người học cho biết họ cảm thấy tự tin hơn khi sử dụng tiếng ngoại ngữ trong các hoạt động giao tiếp sau khi tham gia các lớp học có ứng dụng công nghệ. Bên cạnh đó, 78% người học nhận thấy việc sử dụng công nghệ giúp nâng cao động lực học tập và tạo môi trường học tập sinh động hơn.

Đối với nhóm 20 GV được khảo sát, 90% cho biết họ thường xuyên áp dụng các công cụ công nghệ vào quá trình giảng dạy CLT. Phần lớn GV (85%) nhận định rằng công nghệ góp phần làm tăng mức độ tương tác giữa GV và người học cũng như giữa người học với nhau. Ngoài ra, 80% GV đánh giá việc kết hợp CLT với công nghệ giúp nâng cao hiệu quả phát triển các kỹ năng giao tiếp của người học. Tuy nhiên, một số khó khăn cũng được ghi nhận, bao gồm hạn chế về cơ sở hạ tầng công nghệ (40%), sự chênh lệch về trình độ sử dụng công nghệ của người học (35%) và các vấn đề kỹ thuật phát sinh trong quá trình giảng dạy trực tuyến hoặc kết hợp (30%).

4.2. Thảo luận

Kết quả khảo sát cho thấy việc áp dụng phương pháp Giao tiếp (Communicative Language Teaching – CLT) kết hợp công nghệ hiện đại nhận được sự đánh giá tích cực từ cả GV và người học. Tỷ lệ cao người học cho rằng công nghệ giúp tăng cơ hội thực hành giao tiếp và nâng cao sự tự tin khi sử dụng tiếng Anh cho thấy môi trường học tập được hỗ trợ bởi công nghệ có khả năng thúc đẩy sự tham gia tích cực của người học. Điều này phù hợp với mục tiêu cốt lõi của CLT là phát triển năng lực giao tiếp thông qua các hoạt động tương tác mang tính thực tiễn.

Bên cạnh đó, kết quả từ phía GV cho thấy phần lớn người tham gia khảo sát nhận thức được vai trò quan trọng của công nghệ trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy. Các công cụ như nền tảng học tập trực tuyến, ứng dụng tương tác và tài nguyên số đã hỗ trợ GV thiết kế các hoạt động giao tiếp đa dạng, tạo điều kiện cho người học thực hành ngôn ngữ trong nhiều bối cảnh khác nhau. Điều này cho thấy công nghệ không chỉ đóng vai trò là công cụ hỗ trợ mà còn là phương tiện góp phần đổi mới phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm.

Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra một số thách thức trong quá trình triển khai CLT kết hợp công nghệ. Hạn chế về cơ sở hạ tầng, đường truyền Internet, thiết bị học tập và trình độ công nghệ của người học có thể ảnh hưởng đến hiệu quả của các hoạt động giao tiếp. Ngoài ra, một số GV vẫn gặp khó khăn trong việc lựa chọn và khai thác các công cụ công nghệ phù hợp với mục tiêu bài học. Những khó khăn này cho thấy việc ứng dụng công nghệ vào dạy học không chỉ phụ thuộc vào sự sẵn sàng của GV và người học mà còn cần sự hỗ trợ từ phía nhà trường và các đơn vị quản lý giáo dục.

Từ những kết quả trên có thể thấy rằng sự kết hợp giữa CLT và công nghệ hiện đại là một hướng tiếp cận có tiềm năng trong việc nâng cao năng lực giao tiếp ngoại ngữ. Tuy nhiên, để phát huy tối đa hiệu

quả của mô hình này, cần tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, tổ chức các chương trình bồi dưỡng năng lực số cho GV, đồng thời xây dựng các hoạt động học tập phù hợp với nhu cầu và đặc điểm của người học. Những giải pháp này sẽ góp phần tạo ra môi trường học tập linh hoạt, tương tác và hiệu quả hơn trong bối cảnh chuyển đổi số của giáo dục hiện nay.

5. Kết luận

Sự phát triển của công nghệ số đã dẫn đến những thay đổi lớn trong giáo dục, công nghệ không chỉ giúp cải thiện hiệu quả truyền đạt kiến thức mà còn tạo điều kiện thuận lợi để học viên phát triển toàn diện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết một cách linh hoạt và sinh động. Việc tích hợp công nghệ vào giảng dạy ngôn ngữ đã trở thành một xu hướng toàn cầu để nâng cao trải nghiệm học tập, hỗ trợ giao tiếp và tăng cường sự tham gia giữa GV và sinh viên. Các công cụ kỹ thuật số cung cấp cho người học nhiều cơ hội hơn để thực hành kỹ năng ngôn ngữ, tiếp cận tài nguyên thực tế và tương tác với người khác trong môi trường thực tế, những công nghệ hiện đại được sử dụng rộng rãi là các nền tảng học trực tuyến (online learning platforms) như Zoom, Google Meet, Microsoft Teams và các hệ thống quản lý học tập (LMS) như Moodle, Canvas. Những nền tảng này giúp GV tổ chức các lớp học trực tuyến, tạo môi trường tương tác hai chiều giữa GV và SV, đồng thời cung cấp các tài liệu học tập đa dạng và dễ dàng truy cập mọi lúc, mọi nơi. SV có thể tham gia thảo luận, làm bài tập và kiểm tra trực tuyến, giúp nâng cao khả năng tự học và chủ động trong học tập. Việc áp dụng các công cụ kỹ thuật số như các nền tảng trực tuyến, ứng dụng di động và tài liệu số đã thay đổi cách giảng dạy và học tập ngôn ngữ. Tuy nhiên, cùng với những tiến bộ này là các thách thức mà giảng viên và sinh viên phải đối mặt, bao gồm hạn chế về kỹ năng công nghệ, thiếu cơ sở hạ tầng, và đòi hỏi sự tự điều chỉnh cao hơn trong môi trường học tập kỹ thuật số. Vì vậy, nghiên cứu cho thấy rằng, trong giảng dạy ngoại ngữ thì phương pháp giao tiếp là nền tảng hiệu quả, công nghệ là công cụ hỗ trợ mạnh mẽ, hai phạm trù này dù ở bất kì thời đại nào cũng không thể tách rời. Nghiên cứu này đề xuất cần áp dụng mô hình giảng dạy tích hợp trong dạy và học ngoại ngữ, nhờ đó người học có thể phát triển kỹ năng ngoại ngữ một cách toàn diện và hiệu quả hơn, đáp ứng tốt hơn yêu cầu đổi mới giáo dục và nhu cầu hội nhập quốc tế trong thời đại số.

Tài liệu tham khảo

- Larsen-Freeman, D., & Anderson, M. (2011). *Techniques and principles in language teaching* (3rd ed.). Oxford University Press.
- Lee, S.-M. (2022). A systematic review of context-aware technology use in foreign language learning. *Computer Assisted Language Learning*, 35(3), 294–318.
- Richards, J. C. (2006). *Communicative language teaching today*. Cambridge University Press.
- Tang, W. K.-W., & Zhang, X.-Y. (2026). Artificial intelligence in English as a foreign language learning: A systematic review of technologies, tools, and their impacts. *Computers and Education: Artificial Intelligence*, 10, Article 100595. <https://doi.org/10.1016/j.caeai.2026.100595>.
- Warschauer, M. (2011). *Learning in the cloud: How (and why) to transform schools with digital media*. Teachers College Press.
- Warschauer, M., & Healey, D. (1998). Computers and language learning: An overview. *Language Teaching*, 31(2), 57–71.